TIẾN TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM VÀ VIỆC ĐÀM PHÁN KÝ KẾT CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO

Lương Văn Tự

Nguyên Trưởng đoàn đàm phán

Việt Nam gia nhập WTO

I/ TIẾN TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

1. Quan điểm chỉ đạo HNKTQT:

- Đại hội Đảng lần thứ VI chủ trương "Đổi mới toàn diện" "Việt Nam sẵn sàng làm bạn với tất cả các nước trong cộng đồng quốc tế".

- Đại hội VIII đã xác định : Mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động tham gia các tổ chức quốc tế và khu vực, củng cố vị thế của nước ta trên trường quốc tế.

- Đại hội Đảng lần thứ IX chủ trương " Phát huy cao độ nội lực đồng thời tranh thủ nguồn lực bên ngoài và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững".

Cụ thể hóa các chủ trương trên, Nghị quyết 07NQ-TW của Bộ Chính trị đề ra mục tiêu "Chủ động Hội nhập kinh tế quốc tế nhằm mở rộng thị trường, tranh thủ thêm vốn công nghệ, kiến thức quản lý để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa…. Thực hiện dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh… thực hiện thắng lợi chiến lược phát triển 2001-2010…..

2. Tham gia các tổ chức kinh tế quốc tế và khu vực:

- 1992 bình thường hóa quan hệ với IMF, WB và ADB

- 7/1995 gia nhập Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN)

- 1/1996 gia nhập Diễn đàn kinh tế Á Âu (ASEM)

- 3/1988 gia nhập Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á Thái Bình Dương (APEC)

- 7/1995 Ký hiệp định khung với EU (vừa rồi đã ký lại khuôn khổ hợp tác cao hơn, toàn diện hơn)

- 7/2000 Ký Hiệp định Thương mại với Hoa Kỳ (BTA).
- 1/1995 gửi đơn xin gia nhập Tổ chức Thương Mại Thế giới (WTO); Quốc hội Hoa Kỳ bỏ luật Jackson Vennik; 31/5/2006 Ký Hiệp định song phương gia nhập WTO với Hoa Kỳ, 7/11/2006 được kết nạp vào WTO và 11/1/2007 trở thành thành viên chính thức WTO.

3. Một số cam kết quan trọng về Hội nhập tác động lâu dài tới nền kinh tế của Việt Nam:

3.1 Cam kết WTO:

- Minh bạch hóa chính sách: 60 ngày trước khi ban hành phải công khai lấy ý kiến.
- Tối đa 12 năm công nhận nền kinh tế thị trường của Việt Nam.
- Bỏ trợ cấp trực tiếp cho xuất khẩu và chính sách thay thế hàng nhập khẩu. (Trong điều kiện khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế nhiều nước đưa ra các rào cản kỹ thuật mới.
- Lộ trình mở cửa 11 ngành dịch vụ (110 phân ngành) 7 năm.
- Lộ trình cắt giảm thuế từ mức trung bình 17,4% xuống còn 13,4% trong vòng 12 năm.
- Sửa và xây dựng mới 30 luật và pháp lệnh. Sau khi gia nhập WTO chúng ta đã rà soát 48 luật, 5 Nghị quyết của Quốc hội và UBTVQH, 18 pháp lệnh, 125 Nghị định của Chính phủ, 32 QĐCP, 4 Chỉ thị của Thủ tướng, 18 Thông tư liên tịch, 72 Thông tư của các bộ ngành, 111 Quyết định của các Bộ, 5 Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao. Và Quyết định sửa đổi bổ sung 43 gồm 10 luật, 15 NĐ, 8 QĐ của Thủ tướng Chính phủ, 6 Thông tư và 4 Quyết định của Bộ. Số văn bản đề nghị ban hành mới là 52 gồm 13 luật, 12 NĐ, 9 QĐ chỉ thị của Thủ tướng CP, 13 Thông tư và 5 QĐ cấp Bộ. Đối với các địa phương rà soát 209 văn bản, kiến nghị ban hành mới 8 văn bản, sửa đổi bổ sung 18 và hủy bỏ 16 văn bản.

3.2 Cam kết ASEAN và ASEAN+6 (Nhật bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Ấn Độ, Úc, Neuzeland)

- 2015 thuế nhập khẩu giảm xuống 0 – 5%

- FTA ASEAN + 6 nước (Trung Quốc, Nhật, Úc, Neuzeland, Hàn Quốc, Ấn Độ). Lộ trình từ 2014 – 2020 tùy thuộc vào cam kết với từng đối tác.
- Cộng đồng kinh tế Asean 3 trụ cột: Hợp tác kinh tế, hợp tác văn hóa, hợp tác an ninh và quốc phòng sẽ thực hiện vào năm 2015.
- Cam kết dịch vụ trong Asean hầu như thấp hơn cam kết dịch vụ trong WTO.

3.3 Tác động của các cam kết WTO, Asean và FTA đối với nền kinh tế Việt Nam.

- Bỏ được hoàn toàn cấm vận; tạo ra thị trường rộng lớn cho hàng hóa Việt Nam, dịch vụ Việt Nam.
- Có được một hệ thống pháp luật đồng bộ xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng Xã hội Việt Nam.
- Tạo môi trường minh bạch thu hút vốn, công nghệ, kỹ năng quản lý. Đầu tư tăng liên tục từ năm 2006 – 2010, năm 2011 giảm. Trong 5 năm 2007-2011, tổng vốn FDI thực hiện đạt 45 tỷ USD, tổng vốn FDI đăng ký mới và bổ sung đạt 146 tỷ USD, gấp 7 lần giai đoạn 2001-2005.
- Tăng trưởng xuất nhập khẩu tạo đà tăng trưởng kinh tế. Nếu như năm 2006, độ mở của nền kinh tế là 139% thì một năm sau khi gia nhập WTO, độ mở đã là 156%, năm 2008 là 160% và năm 2011 là 170%. TRước khi gia nhập WTO, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam chỉ khoảng 30 tỷ USD thì sau 5 năm gia nhập, kim ngạch xuất khẩu đã đạt gần 100 tỷ USD. Tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu bình quân 5 năm 2007-2011 là 19,25%. . Tăng thu nhập Việt Nam khi bắt đầu đàm phán WTO thu nhập đầu người bình quân 400USD nay lên trên 1.200USD/người/năm.
- Doanh nghiệp phát triển nhanh từ trên 200.000 đã lên đến 600.000 nay do khủng hoảng kinh tế thế giới và lạm phát cao trong nước đã giảm xuống còn trên 400.000 doanh nghiệp. Tư tưởng ỷ lại Nhà nước và bao cấp dần dần được xóa bỏ.

Do tác động của khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế thế giới năm 2008, nóng vội trong tăng trưởng tín dụng và phát triển kinh tế đã dẫn đến lạm phát cao, tăng trưởng chậm lại.

II/ Cơ hội và thách thức của các hiệp định thương mại tự do (TPP-EU...) đối với Việt Nam

1. Bối cảnh thế giới mới

Thế giới hình thành đa cực về chính trị và kinh tế. Sau khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế 2008, thế giới tiếp tục rơi vào khủng hoảng nợ công. Tình trạng trì trệ của kinh tế thế giới còn kéo dài. Trung tâm tăng trưởng nhanh của thế giới đang chuyển dần sang châu Á như Trung Quốc, Ấn Độ và ASEAN, Úc, Newzeland.... G20 ra đời để phối hợp hành động giữa các nền kinh tế phát triển và nền kinh tế mới nổi. Tranh chấp biển đảo là nguy cơ mất ổn định và tác động xấu đến tăng trưởng kinh tế của châu Á trung và dài hạn. Vòng đàm phán Doha tiếp tục bị bế tắc và kéo dài. Nhiều nước tìm con đường khác để mở rộng thương mại thông qua các hiệp định tự do FTA song phương và khu vực.

2. Quan điểm mới của Việt Nam

Không dừng lại ở chủ động HNKTQT mà còn mở rộng ra chính trị, văn hóa, xã hội, an ninh và quốc phòng....

3. Cơ hội và thách thức tham gia các hiệp định thương mại tự do như TPP; FTA với Eu, Hàn Quốc, Nga và Belarus

*** Thách thức:**

- Mức độ mở cửa thị trường cao hơn : Mức độ cam kết sẽ cao hơn; Diện cam kết sẽ rộng hơn**;** Những lĩnh vực mới không đơn thuần về kinh tế các nước sẽ yêu cầu đàm phán như vấn đề tự do công đoàn (là của ILO)**;** Vấn đề mua sắm của chính phủ là hiệp định trong WTO giành cho các nước phát triển; Vấn đề môi trường.

- Sự chuẩn bị ở trong nước sẽ là thách thức to lớn nếu các doanh nghiệp không được thông tin đầy đủ và không chuẩn bị đầu tư nâng cao năng lực cạnh tranh để đương đầu với cuộc cạnh tranh mới ở mức độ cao hơn của dịch vụ WTO và thuế của AFTA.

- Nhập siêu thời kỳ đầu có thể sẽ tăng khi chưa giải mã được nhập siêu từ Trung Quốc và ASEAN lại tăng nhập khẩu từ các nước lâu nay ta xuất siêu.

- Thách thức đối với các nhà quản lý xây dựng chính sách vừa hội nhập sâu vừa phát triển bền vững; vừa phải thực hiện một số cam kết cũ lại vừa phải chuẩn bị triển khai thực hiện các cam kết mới.

- Tác động đến vấn đề an sinh xã hội: công ăn việc làm khi các doanh nghiệp không cạnh tranh nổi buộc phải đóng cửa....

*** Cơ hội :**

- Mở rộng thị trường đẩy mạnh xuất khẩu nếu đạt được GSP và thuế nhập khẩu giảm xuống 0% và vấn đề C/O (xuất xứ).

- Hình thành môi trường kinh doanh hấp dẫn hơn sẽ thu hút đầu tư từ các nước có công nghệ nguồn; tham gia vào chuỗi phân chia lợi ích của thế giới.

- Tranh thủ sự hợp tác kinh tế quốc tế để phục vụ chiến lược phát triển kinh tế dài hạn và trước mắt là cơ cấu lại nền kinh tế.

- Trở thành thành viên của các hiệp định thương mại tự do với các nước phát triển vừa là thách thức song sẽ tạo vị thế chính trị và ngoại giao đồng thời tạo điều kiện để ta xây dựng nền kinh tế thi trường hoàn chỉnh.

- Tăng cường kết nối và hợp tác kinh tế sẽ tạo thêm điều kiện thúc đẩy các hội nhập khác góp phần giữ vững hòa bình, ổn định để phát triển.